

Thứ ba, ngày 22 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Nhịp hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/10/2019		•	
Tuần 21/10-25/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh hôm qua, thị trường đã hồi phục vào phiên sáng nhờ sự tăng điểm từ nhóm cổ phiếu Bluechips như VCB, VJC, HPG. Đà hồi phục kéo dài đến hết phiên chiều với sự đóng góp thêm của nhóm ngân hàng và bất động sản. Thị trường có phiên giao dịch đồng thuận với xu hướng trong khu vực khi có thông tin tích cực về đàm phán thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc. Thứ trưởng ngoại Trung Quốc cho biết nước này đã đạt được một số tiến triển trong các cuộc đàm phán thương mại với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, việc thanh khoản thị trường vẫn không đổi so với phiên trước cùng với biên độ dao động ở mức thấp cho thấy tâm lý đại đa số nhà đầu tư vẫn đang ở trạng thái cẩn trọng. BSC duy trì quan điểm biên độ dao động của thị trường sẽ tiếp tục nằm trong vùng 980-1000 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2006, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/10/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. DPM vận động điều chỉnh giảm trong những phiên gần đây sau khi không vượt qua được 15.5. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của DPM có thể tạo áp lực giảm với giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Ngân hàng 0.9%. 8/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.4%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.9%.

Phân tích kỹ thuật: DGW_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.63 điểm**, đóng cửa 987.19. HNX-Index **+0.48 điểm**, đóng cửa 104.49.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.31); SAB (+1.30); BID (+0.70); VJC (+0.62); HVN (+0.42).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.57); VHM (-0.49); MSN (-0.21); TCH (-0.10); VIC (-0.10).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,159 tỷ đồng**, không đổi so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.07 điểm. Thị trường có 151 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 152 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **22.08 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (23.3 tỷ), KBC (18.6 tỷ) và VJC (17.6 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **21.74 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

987.19

Giá trị: 3159.2 tỷ

3.63 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): 22.08 tỷ

HNX-INDEX

104.49

Giá trị: 278.06 tỷ

0.48 (0.46%)

Khối ngoại (ròng): -21.74 tỷ

UPCOM-INDEX

56.78

Giá trị: 167.87 tỷ

0.18 (0.32%)

Khối ngoại(ròng): 1.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.4	0.19%
Giá vàng	1,487	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,872	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	21,373	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	-0.50%
LS TPCP 5 năm	2.7%	-2.68%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	23.3	VHM	-20.6
KBC	18.6	NET	-19.5
VJC	17.7	MSN	-17.7
VCB	11.4	POW	-8.6
HPG	7.4	GTN	-8.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 8/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó có 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.4%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Ngân hàng	0.9%	-2.2%	3.6%	9.3%	12.4%	7.1%	82.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.6%	-1.4%	-0.3%	-8.2%	-11.0%	-15.7%	40.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-1.3%	3.6%	5.6%	5.9%	-1.5%	38.0%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	0.8%	4.3%	2.3%	7.1%	1.9%	5.2%
Hàng tiêu dùng	0.4%	-0.8%	0.1%	4.8%	9.7%	8.7%	64.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.4%	-0.8%	-0.1%	0.6%	3.3%	0.8%	59.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-1.4%	0.1%	9.1%	16.3%	8.3%	80.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-1.5%	0.5%	4.0%	8.8%	5.1%	70.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-0.5%	-0.8%	-1.5%	0.0%	4.8%	76.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-1.1%	-0.6%	5.7%	13.0%	11.0%	91.0%
Lãi suất giảm	-0.2%	-1.4%	1.3%	-1.0%	2.4%	0.2%	50.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	-0.5%	2.9%	0.1%	-0.5%	-6.8%	-5.5%
Dầu khí	-0.3%	-0.7%	-3.9%	-6.9%	-6.7%	-10.5%	7.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	-0.5%	0.2%	-6.3%	-2.7%	10.5%	45.3%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.6%	-3.4%	-3.8%	-1.0%	5.6%	49.3%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.6%	0.3%	-5.5%	-3.8%	-4.4%	6.0%
Xây dựng	-1.4%	-4.0%	-3.4%	-3.4%	-6.7%	-14.5%	22.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	1.0%	1.0%	0.9%	3.3%	5.3%	0.6%	76.2%
Danh mục 9	0.8%	-0.7%	-0.4%	4.2%	9.5%	6.9%	55.6%
Danh mục 3	0.4%	-0.9%	-0.8%	1.7%	0.7%	-5.9%	27.3%
Danh mục 17	-0.7%	-1.4%	1.6%	-2.2%	2.3%	9.2%	127.3%
Danh mục 12	-0.8%	-1.9%	-2.1%	3.9%	9.6%	11.6%	103.8%
* Note	10/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 21	0.7%	-1.6%	-0.3%	3.5%	8.2%	0.9%	41.9%
Danh mục 22	0.4%	-2.4%	-0.4%	9.6%	16.4%	9.5%	75.5%
Danh mục 24	0.3%	-0.6%	0.5%	3.6%	11.1%	6.1%	67.2%
Danh mục 19	-0.3%	-0.9%	3.0%	7.7%	13.7%	16.1%	60.6%
Danh mục 25	-0.4%	-1.7%	-0.7%	-2.2%	10.1%	21.7%	162.6%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.4%	-0.6%	0.1%	-0.1%	2.0%	1.6%	44.7%
VN30INDEX	0.3%	-0.7%	0.8%	3.3%	4.4%	-3.1%	40.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/22/2019

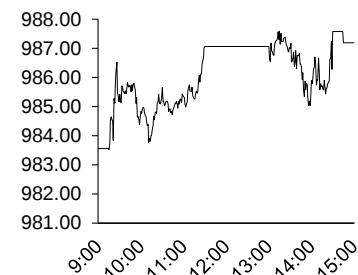
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

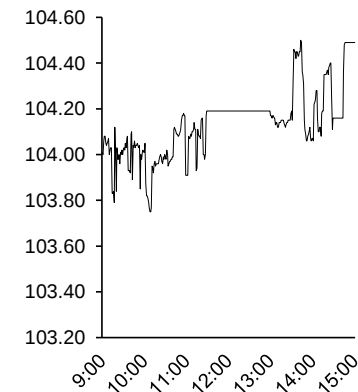
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-4.0%
Ô tô và phụ tùng	-1.9%
Hóa chất	-0.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Dầu khí	-0.3%
Bất động sản	-0.1%
Công nghệ Thông tin	0.0%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%
Bán lẻ	0.1%
Dịch vụ tài chính	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.3%
Xây dựng và Vật liệu	0.3%
Y tế	0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4%
Ngân hàng	1.0%
Tài nguyên Cơ bản	1.7%
Du lịch và Giải trí	2.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DGW_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DGW đã tăng giá trở lại sau khi tích lũy ngắn hạn tại khu vực 24.5 - 25. Thanh khoản cổ phiếu tăng đồng thuận với những phiên tăng điểm. Hơn nữa, các chỉ báo kỹ thuật đang ở trạng thái tích cực, trong đó RSI chưa chạm đến vùng quá mua, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Bên cạnh đó, MACD cũng đang chuẩn bị xuất hiện Golden Cross càng làm củng cố thêm cho trạng thái tích cực hiện nay của cổ phiếu này. Dự kiến DGW có thể quay về vùng đỉnh cũ tại xung quanh giá 28 trước khi hướng tới các mục tiêu cao hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 22/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 22/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.40	-0.76%	-0.34%	-9.25%	-22.78%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.97	-0.77%	-0.63%	-9.27%	-26.13%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-0.91%	-1.72%	-5.30%	-15.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1484.68	-0.50%	-0.34%	-0.98%	21.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.58	0.31%	0.19%	-1.11%	20.42%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	933.55	-0.24%	-0.76%	4.57%	8.71%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	522.27	-1.83%	2.21%	8.13%	2.81%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.66	0.16%	0.38%	2.19%	20.15%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.90	-0.07%	-1.13%	-9.87%	0.34%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.29	-0.24%	-2.00%	9.36%	-11.22%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	3.18%	4.85%	-3.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	96.00	0.31%	1.21%	-3.03%	-18.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.63	0.34%	0.21%	1.33%	-5.22%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3435.00	0.94%	-4.18%	-9.84%	-23.75%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1738.00	0.64%	-0.86%	-2.66%	-13.23%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	85.50	0.00%	-5.52%	-8.06%	14.77%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.37	0.83%	1.92%	0.39%	-37.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 46 US cent, tương đương 0.8%, xuống 58.96 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 giảm 47 US cent, tương đương 0.9% xuống 53.31 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên vừa qua sau khi một quan chức Mỹ có bình luận hàm ý lo ngại về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, làm gia tăng quan ngại rằng kinh tế toàn cầu suy yếu sẽ khiến nhu cầu dầu giảm sút. Mặc dù Tổng thống Mỹ Donald Trump thông báo sẽ ký thỏa thuận khi gặp Chủ tịch Trung Quốc tại hội nghị APEC vào tháng 11 tới, song Bộ trưởng Thương mại Mỹ lại nói rằng thỏa thuận thương mại giai đoạn đầu chưa cần được hoàn tất vào tháng tới.
- Về nguồn cung, Nga – nước sản xuất dầu lớn thứ 2 thế giới – ngày 21/10 cho biết sản lượng dầu của họ trong tháng 9/2019 không tương đương mức cam kết (với OPEC về cắt giảm sản lượng) bởi đã tăng sản lượng khí tự nhiên ngưng tụ trước khi mùa Đông đến.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.3% xuống 1,485.03 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,488.1 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch đêm qua do giới đầu tư hứng thú trở lại với những tài sản rủi ro cao, giữa bối cảnh các nhà đầu tư chờ đợi để có thêm manh mối về việc Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trong năm nay có cắt giảm lãi suất thêm nữa hay không. Sở dĩ những tài sản rủi ro trở nên hút tiền bởi giới đầu tư kỳ vọng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sớm tìm ra giải pháp để kết thúc, và nước Anh cũng có được thỏa thuận để rời EU.

Giá thép

- Trên sàn Thượng Hải, thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.09% xuống 3,290 CNY (455.06 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 0.03% xuống 3,285 CNY/tấn.
- Giá thép trên thị trường Trung Quốc giảm phiên thứ 2 liên tiếp bởi dự đoán tiêu thụ sẽ chậm lại trong khi sản lượng từ các nhà máy vẫn gia tăng.

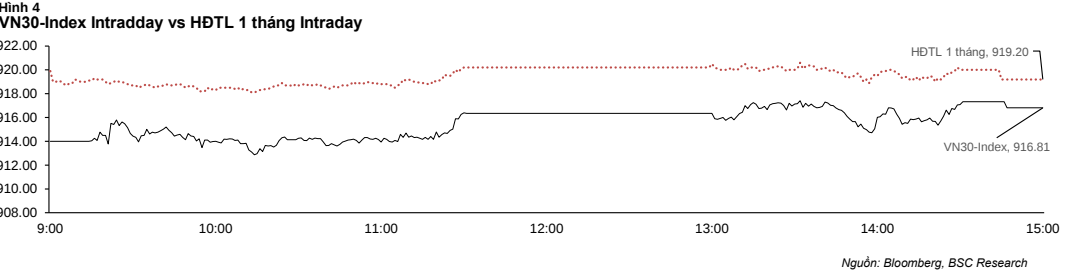
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 0.05 US cent, tương đương 0.41%, xuống 12.27 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.4 USD tương đương 0.1% lên 337.3 USD/tấn. Tiền Brazil (real) yếu đi kích thích các nhà sản xuất đường ở nước này tăng cường bán ra vì tính theo USD sẽ có lợi hơn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 3/2020 đóng cửa giảm 0.2 JPY xuống 165.8 JPY (1.53 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 45 CNY lên 11,725 CNY (1,659 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo – tham chiếu cho toàn thị trường Châu Á – giảm vào lúc đóng cửa phiên giao dịch vừa qua mặc dù tăng ở đầu phiên. Nguyên nhân bởi lo ngại về sự suy yếu kinh tế toàn cầu sau những số liệu không lạc quan từ phía Trung Quốc. Kinh tế Trung Quốc quý 3/2019 tăng trưởng chậm hơn dự đoán, ở mức thấp nhất trong vòng gần 3 thập kỷ do cuộc chiến thương mại với Mỹ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất của các nhà máy.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	919.20	0.12%	2.39	-4.2%	45364	11/21/2019	32
VN30F1912	920.20	0.39%	3.39	-45.0%	172	12/19/2019	60
VN30F2003	920.60	0.37%	3.79	200.0%	48	3/19/2020	151
VN30F2006	918.30	-0.29%	1.49	-16.3%	41	6/18/2020	242

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.81 điểm lên mức 916.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VJC, HPG, SAB, VCB, và MBB tác động mạnh đến sự hồi phục của VN30. VN30 giằng co quanh vùng 913-915 điểm trong phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 tăng điểm tích cực, vận động trong vùng 915-917 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ, VN30 có thể tiếp tục tích lũy dưới 920 điểm trong ngắn hạn.
- Ngoại trừ VN30F2006, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1906	KIS	11/14/2019	23	2:1	126,550	-62.6%	5.0 triệu	28.53%	1,500	150	7.14%	-	n/a
CVJC1901	KIS	2/26/2020	127	10:1	530	-97.0%	5.0 triệu	15.65%	1,800	2,890	5.86%	2,798.50	1.03
CHPG1905	SSI	12/30/2019	69	1:1	60,970	31.9%	1.0 triệu	28.53%	3,300	2,000	4.17%	572.00	3.50
CSTB1901	KIS	1/9/2020	79	1:1	305,210	77.9%	1.5 triệu	20.79%	1,390	1,620	3.18%	541.10	2.99
CMBB1902	HSC	12/17/2019	56	1:1	177,380	-25.5%	1.0 triệu	17.06%	3,200	3,850	2.67%	1,382.80	2.78
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	48	5:1	9,480	-41.5%	1.5 triệu	20.35%	5,600	6,240	2.30%	5,937.10	1.05
CNVL1901	KIS	2/7/2020	108	4:1	161,480	94.3%	5.0 triệu	20.28%	1,900	2,280	2.24%	582.90	3.91
CMWG1903	HSC	12/30/2019	69	5:1	41,730	52.3%	2.0 triệu	20.35%	2,700	6,090	1.33%	5,780.50	1.05
CMWG1906	MBS	12/16/2019	55	5:1	127,340	267.3%	3.0 triệu	20.35%	2,850	2,430	1.25%	1,110.90	2.19
CMWG1902	VND	12/11/2019	50	4:1	37,960	-4.6%	2.4 triệu	20.35%	2,990	8,680	0.23%	8,420.90	1.03
CVRE1901	KIS	11/14/2019	23	2:1	87,350	-36.5%	2.5 triệu	25.99%	1,900	370	0.00%	-	n/a
CHPG1902	KIS	12/11/2019	50	5:1	81,020	-59.1%	6.0 triệu	28.53%	1,000	100	0.00%	-	n/a
CFPT1904	MBS	11/19/2019	28	3:1	99,510	-55.7%	3.0 triệu	20.32%	1,700	1,900	0.00%	1,527.70	1.24
CMWG1904	SSI	12/30/2019	69	1:1	28,930	79.5%	1.0 triệu	20.35%	14,000	35,100	-0.34%	33,904.80	1.04
CVHM1901	KIS	2/7/2020	108	4:1	31,010	839.7%	5.0 triệu	26.92%	3,100	3,300	-0.60%	971.80	3.40
CFPT1903	SSI	12/30/2019	69	1:1	21,240	38.7%	2.0 triệu	20.32%	6,000	12,650	-2.62%	11,574.90	1.09
CNVN1902	KIS	3/26/2020	156	10:1	17,010	11.0%	5.0 triệu	18.94%	1,900	2,940	-3.61%	3,730.20	0.79
CVIC1901	KIS	11/14/2019	23	5:1	36,210	-60.9%	2.0 triệu	20.94%	1,960	500	-9.09%	0.10	5,000.00
CMSN1901	KIS	11/14/2019	23	5:1	396,890	640.5%	1.8 triệu	22.76%	1,920	430	-10.42%	0.30	1,433.33
CNVN1901	KIS	12/13/2020	418	10:1	191,440	-80.7%	5.0 triệu	18.94%	1,200	610	-11.59%	2.40	254.17
CDPM1901	KIS	1/9/2020	79	1:1	46,390	201.4%	1.5 triệu	26.90%	1,900	2,080	-16.80%	832.10	2.50
CREE1901	MBS	11/19/2019	28	3:1	280,320	99.9%	3.0 triệu	23.46%	1,260	450	-42.31%	140.50	3.20
Tổng:					2,365,950		65.2 triệu	22.12%**					
Chú thích:					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn								

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/10/2019, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CREE1901 và CDPM1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -42.31% và -16.80%. Thanh khoản thị trường giảm -9.84%. CMSN1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 17% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. DPM vận động điều chỉnh giảm trong những phiên gần đây sau khi không vượt qua được 15.5. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của DPM có thể tạo áp lực giảm với giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	143.90	2.79	1.47
HPG	21.60	1.89	0.92
SAB	251.90	2.82	0.68
VCB	85.40	1.43	0.50
MBB	22.85	0.88	0.38

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	132.5	-0.82	-0.78
MSN	74.4	-0.80	-0.39
VHM	86.0	-0.58	-0.25
VPB	21.9	-0.45	-0.24
CTD	82.8	-3.38	-0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1906	31,088	28,088	21,600
CVJC1901	163,678	145,678	143,900
CHPG1905	93,300	23,100	21,600
CSTB1901	12,278	10,888	11,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,850
CMWG1905	122,000	94,000	123,100
CNVL1901	69,688	62,088	60,500
CMWG1903	25,800	95,000	123,100
CMWG1906	135,150	120,900	123,100
CMWG1902	48,130	90,000	123,100
CVRE1901	44,688	40,888	31,900
CHPG1902	166,285	41,999	21,600
CFPT1904	57,100	52,000	56,300
CMWG1904	165,000	90,000	123,100
CVHM1901	102,288	89,888	86,000
CFPT1903	56,154	45,140	56,300
CVNM1902	152,333	133,333	132,500
CVIC1901	150,688	140,888	116,800
CMSN1901	98,488	88,888	74,400
CVNM1901	46,340	156,285	132,500
CDPM1901	15,888	13,988	14,100
CREE1901	41,330	37,550	36,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.1	0.2%	0.7	2,370	1.5	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.0	1.2%	1.0	803	2.7	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.5	-0.4%	1.3	2,148	0.4	1,505	46.8	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.2	2.5%	0.7	334	0.3	2,725	12.2	1.1	54.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	116.8	-0.1%	1.1	16,992	0.9	1,643	71.1	4.7	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.0%	1.1	3,230	2.1	1,033	30.9	2.6	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.5	0.3%	0.8	2,447	0.8	3,579	16.9	2.8	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	36.1	-1.8%	1.0	486	0.9	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.8	1.0%	1.4	363	1.0	3,215	4.9	1.0	46.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.9	0.5%	1.4	462	1.0	1,737	12.0	1.1	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	0.3%	1.0	246	0.0	5,067	6.8	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.1	-0.5%	1.5	294	0.6	1,287	17.2	1.6	56.1%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.3	-0.4%	0.8	1,660	3.7	4,349	12.9	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.4	0.2%	1.5	8,438	0.5	6,066	16.7	4.4	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	57.5	0.0%	1.5	2,977	0.3	3,350	17.2	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.0	-2.2%	1.7	374	1.6	2,397	7.5	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.5	0.0%	0.8	1,281	0.8	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	2.2%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.1	-3.8%	0.7	240	0.6	650	21.7	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-1.2%	0.6	173	0.2	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.4	1.4%	1.3	13,771	1.7	5,270	16.2	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.0	1.8%	1.5	5,946	1.0	2,091	19.1	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.6	1.6%	1.6	3,497	1.8	1,470	14.7	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.9	-0.5%	1.2	2,339	6.1	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.9	0.9%	1.1	2,268	2.1	3,215	7.1	1.4	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.5	0.4%	1.1	1,657	1.7	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.8	2.3%	0.9	191	0.4	5,017	10.7	1.8	79.1%	17.1%
NTP	Nhựa	37.6	1.3%	0.3	146	0.1	4,603	8.2	1.4	20.9%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	1.2%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.6	1.9%	1.0	2,593	3.8	2,760	7.8	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.2	7.0%	1.5	132	1.1	425	16.9	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.5	-0.8%	0.8	10,032	8.1	5,465	24.2	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	251.9	2.8%	0.8	7,023	0.2	6,735	37.4	9.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.4	-0.8%	1.2	3,781	1.4	3,304	22.5	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.4	-1.6%	0.5	468	1.1	445	41.3	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	77.7	0.3%	0.8	7,355	0.1	2,630	29.5	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.9	2.8%	1.1	3,277	2.8	9,850	14.6	5.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.3	2.9%	1.7	2,174	0.5	1,747	20.2	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.7	0.8%	0.8	345	0.4	1,888	14.1	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.5	-0.6%	0.6	201	0.2	2,435	6.8	1.1	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.5	3.3%	0.9	603	1.5	7,667	11.5	4.5	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	-1.0%	0.8	368	0.1	1,327	14.2	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	0.3%	0.8	266	0.1	1,912	8.4	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	82.8	-3.4%	0.7	275	0.4	9,842	8.4	0.8	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.3	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.4	-2.4%	0.5	263	0.4	387	63.1	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	13.1	-0.8%	0.6	1,329	1.4	820	15.9	1.2	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.0%	0.6	292	0.1	2,721	8.6	1.6	19.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.40	1.43	1.31	473090.00
SAB	251.90	2.82	1.31	22480.00
BID	40.00	1.78	0.71	566150.00
VJC	143.90	2.79	0.62	451730.00
HVN	35.25	2.92	0.42	311610.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	132.50	-0.82	-0.57	1.40MLN
VHM	86.00	-0.58	-0.49	350630.00
MSN	74.40	-0.80	-0.21	431650.00
TCH	22.80	-4.00	-0.10	2.34MLN
VIC	116.80	-0.09	-0.10	175690.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HSG	7.19	6.99	0.06	3.58MLN
BTT	36.80	6.98	0.01	2000.00
PIT	4.60	6.98	0.00	20.00
HVG	3.23	6.95	0.01	1.79MLN
CCL	6.95	6.92	0.01	127150.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	55.80	-7.00	-0.04	218030.00
ASP	7.40	-6.92	-0.01	94760.00
CMX	20.90	-6.90	-0.01	18320.00
TS4	4.46	-6.89	0.00	80810.00
FLC	4.61	-6.87	-0.07	46.84MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.50	0.43	0.17	1.66MLN
SHB	6.60	1.54	0.11	1.43MLN
VCS	88.50	3.27	0.09	399000.00
DNP	17.00	7.59	0.08	61600.00
MBG	42.30	9.87	0.08	584500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	18.00	-2.17	-0.10	2.00MLN
HHC	119.00	-4.42	-0.05	74400.00
NET	35.50	-9.21	-0.03	100.00
HUT	2.50	-3.85	-0.02	1.02MLN
KLF	1.30	-7.14	-0.02	3.84MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

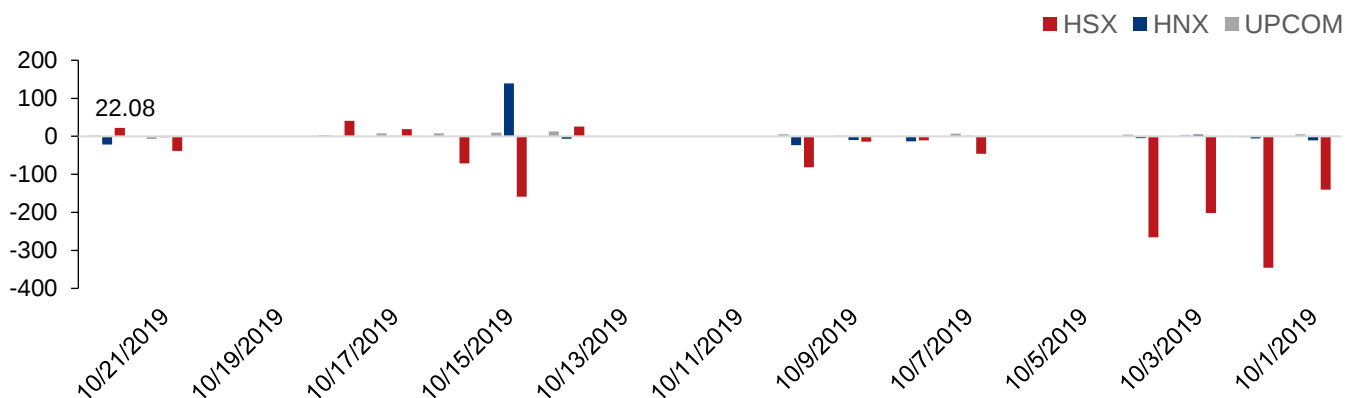
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.00	11.1	0.00	585800.00
HLD	13.30	9.9	0.01	122900.00
MBG	42.30	9.9	0.08	584500.00
FDT	35.70	9.9	0.00	100.00
IDJ	7.90	9.7	0.02	990600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	102100.00
NHP	0.40	-20.00	0.00	134600.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	41300.00
SIC	9.00	-10.00	-0.01	7900.00
NBW	26.50	-9.86	-0.01	1000.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.0	2,582	7.4	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.1	3,678	10.3	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.4	3,304	22.5	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.5	5,465	24.2	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,887	7.7	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.1	5,261	6.9	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.9	14,958	5.2	1.5	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.5	4,469	5.3	1.2	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.1	1,098	12.8	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.4	5,270	16.2	3.9	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.8	1,723	13.8	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.9	3,215	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.7	2,801	19.2	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.7	1,888	14.1	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.2	3,391	8.0	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.3	4,349	12.9	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.2	649	20.3	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.1	7,893	15.6	5.2	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.0	4,839	17.2	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đợt biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xuất nhập khẩu (1) Giá xuất nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xuất 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn